

PHÂN MÔN LỊCH SỬ

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
	Chương 1: Vì sao phải học lịch sử	- Dựa vào đâu để biết và phục dụng lại lịch sử. - Thời gian trong lịch sử.	4 câu						1 câu		1,5đ (15%)
	Chương 2: Xã hội nguyên thủy	- Nguồn gốc loài người. - Xã hội nguyên thủy - Sự chuyển biến và phân hoá của xã hội nguyên thủy	4 câu			1 câu				1 câu	3,5đ (35%)
Số câu Tỉ lệ			8TNKQ (2đ) =20%	1 câu TL (1,5đ)=15 %	1 câu TL (0,5đ) = 5%	1 câu TL (1đ) = 10%			50%		
Tỉ lệ chung			20%	15%	15%				50%		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6, NĂM HỌC 2023-2024

Thời gian: 90 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Lịch sử							
1	Chương 1: Vì sao phải học lịch sử	- Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử. - Thời gian trong lịch sử.	* Nhận biết: - Khái niệm tư liệu chữ viết. - Cơ sở để xác định thời gian. - Cách tính thời gian theo Công lịch. * Vận dụng thấp: Tính thời gian trước và sau công nguyên.	4 câu TN		1 câu TL	
	Chương 2: Xã hội nguyên thủy	- Nguồn gốc loài người. - Xã hội nguyên thủy - Sự chuyển biến và phân hoá của xã hội nguyên thủy.	* Nhận biết - Quá trình tiến hoá từ vượn thành người. - Tổ chức đầu tiên của xã hội nguyên thủy. - Sự tiến hoá của người tối cổ so với vượn người. - Vai trò của công cụ lao động bằng kim loại. * Thông hiểu: - Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy. * Vận dụng cao: Giải thích vì sao việc phát hiện ra kim loại lại làm cho đời sống vật chất và đời sống xã hội của người nguyên thủy có sự thay đổi?	4 câu TN	1 câu TL		1 câu TL
Số câu/ loại câu				8 câu TN KQ	1 câu TL	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ %				20 %	15%	5%	10 %

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL		
	Chủ đề 1: Bản đồ - Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất	- Hệ thống kinh, vĩ tuyến - Bản đồ. Tỉ lệ bản đồ - Kí hiệu bản đồ - Phương hướng trên bản đồ	6 câu						1 câu			2,5đ (25 %)
	Chủ đề 2: Trái Đất – Hành tinh trong hệ Mặt Trời	- Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả	2 câu			1 câu				1 câu		2,5đ (25 %)
Tỉ lệ			8 TNKQ (2đ) =20%		1 câu TL (1,5đ)=1,5 %		1 câu TL(1đ) =10%		1 câu TL (0,5đ) = 5%		50 %	
Tỉ lệ chung			20%		15%		15%			50 %		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6, NĂM HỌC 2023-2024

Thời gian: 90 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Địa lí							
1	Bản đồ - Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất (2,5 điểm)	- Hệ thống kinh, vĩ tuyến - Khái niệm bản đồ - Kí hiệu bản đồ - Tỉ lệ bản đồ - Phương hướng trên bản đồ	* Nhận biết: - Kinh tuyến , vĩ tuyến gốc. - Bản đồ. Các loại kí hiệu bản đồ. - Cách xác định phương hướng trên bản đồ. * Vận dụng thấp : - Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ.	6 câu TN		1 câu TL	
	Chủ đề 2: Trái Đất – Hành tinh trong hệ Mặt Trời (2,5 điểm)	- Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả	* Nhận biết - Đặc điểm chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất * Thông hiểu: - Giải thích hiện tượng ngày, đêm luân phiên trên Trái Đất * Vận dụng cao - Giải thích hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa ở Việt Nam	2 câu TN	1 câu TL		1 câu TL
Số câu/ loại câu				8 câu TN KQ	1 câu TL	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ %				20 %	15 %	10 %	5%

A) PHẦN LỊCH SỬ (5 điểm)

I) PHẦN TRẮC NGHIỆM (2 điểm) Chọn đáp án đúng.

Câu 1: Tổ chức xã hội đầu tiên của người nguyên thủy là

- A. Công xã nông thôn.
- B. Thị tộc.
- C. Bầy người nguyên thủy.
- D. Bộ lạc.

Câu 2: Quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất lần lượt trải qua các dạng

- A. vượn người -> Người tối cổ -> Người tinh khôn.
- B. vượn người -> Người tinh khôn -> Người tối cổ.
- C. Người tối cổ -> vượn người -> Người tinh khôn.
- D. Người tinh khôn -> vượn người -> Người tối cổ.

Câu 3. Công cụ lao động bằng kim loại đã giúp con người thời nguyên thủy

- A. Thu hẹp diện tích đất canh tác.
- B. Sống trong hang động.
- C. Chống lại các cuộc xung đột từ bên ngoài.
- D. Tăng năng suất lao động, tạo ra sản phẩm dư thừa.

Câu 4 : Tư liệu chữ viết là

- A. những bản ghi; sách được in, khắc bằng chữ viết, vở chép tay...
- B. những hình khắc trên bia đá.
- C. những hình vẽ trên vách đá.
- D. những câu truyện cổ tích.

Câu 5: Công lịch quy ước

- A. Một thập kỷ 100 năm. Một thế kỷ 10 năm. Một thiên niên kỷ có 1000 năm
- B. Một thập kỷ 10 năm. Một thế kỷ 100 năm. Một thiên niên kỷ có 1000 năm
- C. Một thập kỷ 1000 năm. Một thế kỷ 100 năm. Một thiên niên kỷ có 10 năm
- D. Một thập kỷ 1 năm. Một thế kỷ 10 năm. Một thiên niên kỷ có 1000 năm

Câu 6: Con người sáng tạo ra các cách tính thời gian phổ biến trên thế giới dựa trên cơ sở nào?

- A. Sự lên, xuống của thủy triều.
- B. Các hiện tượng tự nhiên như mưa, gió, sấm, chớp,...
- C. Sự di chuyển của Mặt Trăng quanh Trái Đất và sự di chuyển của Trái Đất quanh Mặt Trời.
- D. Quan sát sự chuyển động của các vì sao.

Câu 7: Trên các tờ lịch của Việt Nam đều có ghi cả âm lịch và dương lịch vì

- A. cả âm lịch và dương lịch đều chính xác như nhau.
- B. ở nước ta vẫn dùng hai loại lịch âm và lịch dương song song với nhau.

C. âm lịch là theo phương Đông còn dương lịch là theo phương Tây.

D. nước ta dùng dương lịch theo lịch chung của thế giới, nhưng trong nhân dân vẫn dùng âm lịch theo truyền thống.

Câu 8: So với loài Vượn người, về cấu tạo cơ thể, Người tối cổ tiến hoá hơn hẳn điểm nào?

A. Trán thấp và bợt ra sau, u mày nổi cao.

B. Đã loại bỏ hết dấu tích vượn trên cơ thể.

C. Thê tích sọ lớn hơn, đã hình thành trung tâm phát tiếng nói trong não.

D. Cơ thể Người tối cổ lớn hơn Vượn người.

II: TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1(1,5điểm). Hoàn thành bảng sau về các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy?

	Bầy người nguyên thủy	Công xã thị tộc
Dạng người		
Đời sống vật chất		
Tổ chức xã hội		
Đời sống tinh thần		

Câu 2(1 điểm) . Vì sao việc phát hiện ra kim loại lại làm cho đời sống vật chất và đời sống xã hội của người nguyên thủy có sự thay đổi?

Câu 3 (0,5đ) Các sự kiện dưới đây xảy ra cách năm 2020 khoảng bao nhiêu năm?

a) Năm 179TCN, Triệu Đà xâm lược Âu Lạc.

b) Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra năm 40.

B) PHẦN ĐỊA LÍ (5 điểm)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2 điểm). Chọn đáp án đúng.

Câu 1: Các đường nối liền 2 điểm cực Bắc và Nam trên bề mặt quả địa cầu là đường:

A. Kinh tuyến

C. Kinh tuyến gốc

B. Vĩ tuyến

D. Vĩ tuyến gốc

Câu 2: Vĩ tuyến gốc chính là:

A. Chí tuyến Bắc

B. Chí tuyến Nam

C. Xích đạo

D. Hai vòng cực.

Câu 3: Bản đồ là :

A. Hình vẽ thu nhỏ tương đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất

B. Hình vẽ thu nhỏ kém chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất

C. Hình vẽ thu nhỏ chính xác tuyệt đối về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất

D. Hình vẽ thu nhỏ không chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất

Câu 4: Kí hiệu bản đồ có mấy loại ?

- A. 1 loại B. 2 loại C. 3 loại D. 4 loại

Câu 5: Theo quy ước, đầu trên của kinh tuyến là hướng:

- A. Bắc B. Nam C. Đông D. Tây

Câu 6: Muốn đọc hiểu nội dung của một bản đồ bất kì, đầu tiên ta cần :

- A. Đọc bảng chú giải C. Đọc tỉ lệ bản đồ
B. Tìm phương hướng D. Đọc đường đồng mức

Câu 7: Hướng chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất là:

- A. Đông sang Tây B. Bắc xuống Nam
C. Tây sang Đông D. Nam lên Bắc

Câu 8: Thời gian Trái Đất chuyển động 1 vòng quanh trục là :

- A. 365 ngày B. 365 ngày 6 giờ C. 23 giờ 56 phút D. 24 giờ

II. TỰ LUẬN: (3 điểm):

Câu 1: (1,5đ) Tại sao có hiện tượng ngày, đêm luân phiên trên Trái Đất ?

Câu 2: (1đ) Trên bản đồ hành chính Việt Nam có tỉ lệ 1 : 6 000 000, người ta đo được khoảng cách từ thành phố Hải Phòng đến thành phố Huế là 9cm. Vậy khoảng cách thực tế giữa hai thành phố đó là bao nhiêu ki-lô-mét?

Câu 3: (0,5đ) Tục ngữ Việt Nam có câu : “Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng
Ngày tháng mười chưa cười đã tối.”

Câu tục ngữ muốn nói đến hiện tượng địa lí nào ? Em hiểu như thế nào về câu tục ngữ trên?

PHẦN LỊCH SỬ (5 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

1.C	2.A	3.D	4.A	5.B	6.C	7.D	8.C
Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm							

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy (1,5 điểm)

	Bầy người nguyên thủy	Công xã thị tộc
Dạng người (0,25đ)	Người tối cổ	Người tinh khôn
Đời sống vật chất (0,25đ)	Sống trong hang động, dựa vào săn bắt và hái lượm	Biết trồng trọt, chăn nuôi, dệt vải và làm gốm
Tổ chức xã hội (0,5đ)	Sống thành bầy, có người đứng đầu, có sự phân công lao động và cùng chăm sóc con cái.	Công xã thị tộc gồm 2,3 thế hệ, có cùng dòng máu, làm chung và hưởng chung.
Đời sống tinh thần (0,5đ)	Biết làm đồ trang sức, vẽ tranh trên vách đá.	Biết làm đồ trang sức tinh tế hơn, làm tượng bằng đá hoặc đất nung... Đã có tục chôn người chết và đời sống tâm linh.

Câu 2 (1 điểm) : HS lí giải được:

Việc phát hiện ra kim loại lại làm cho đời sống vật chất và đời sống xã hội của người nguyên thủy có sự thay đổi:

* Sự thay đổi trong đời sống vật chất: (0,5đ)

- Do sự xuất hiện của công cụ lao động bằng kim loại đã làm cho diện tích đất khai

phá được nhiều hơn, sản xuất ngày càng phát triển, năng suất lao động tăng, sản phẩm làm ra ngày càng nhiều không chỉ đủ ăn mà còn có của cải dư thừa.

* Sự thay đổi trong đời sống xã hội (0,5đ)

- Một bộ phận người chiếm hữu của cải dư thừa làm của riêng, ngày càng giàu lên, xã hội bắt đầu phân hoá giàu - nghèo. Chế độ công xã thị tộc bị rạn vỡ, xã hội nguyên thủy dần tan rã. Loài người đứng trước ngưỡng cửa của xã hội có giai cấp và nhà

nước.

- Quá trình này diễn ra không đồng đều trên thế giới, sự phân hoá xã hội có nơi diễn ra triệt để, có nơi không triệt để.

Câu 3 (0,5đ) : HS biết cách tính thời gian trước và sau công nguyên.

a) Năm 179TCN, Triệu Đà xâm lược Âu Lạc (0,25đ)

Năm 179TCN cách năm 2020 số năm là: $2020 + 179 \text{ TCN} = 2199$ năm.

b) Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra năm 40 (0,25đ)

Năm 40 cách năm 2020 số năm là: $2020 - 40 = 1980$ năm.

B) PHẦN ĐỊA LÍ (5 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

1.A	2.C	3.A	4.C	5.B	6.A	7.C	8.D
Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm							

II.TỰ LUẬN (3 điểm)

	Đáp án	Biểu điểm
Câu 1	Sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất: + Do có hình khối cầu, nên Trái Đất luôn được Mặt Trời chiếu sáng một nửa , nửa được chiếu sáng là ban ngày còn nửa không được chiếu sáng là ban đêm.	0,75đ
	+ Trái Đất tự quay quanh trục, dẫn đến tất cả mọi nơi trên bề mặt Trái Đất đều lần lượt có hiện tượng ngày đêm luân phiên.	0,75đ
Câu 2	- Theo đề bài, ta có tỉ lệ 1 : 6 000 000 nghĩa là cứ 1 cm trên bản đồ tương ứng với 6 000 000 cm trên thực tế.	0,5đ
	- Vậy khoảng cách giữa Hà Nội và Huế là: $9 \times 6\,000\,000 = 54\,000\,000$ (cm) = 540 km.	0,5đ
Câu 3	- Câu tục ngữ muốn nói đến hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa	0,25đ
	- Tháng 5 là thời kì mùa hè ở Việt Nam (bán cầu Bắc), lúc này bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, nên ngày dài hơn đêm. Tháng 10 là thời kì mùa đông ở Việt Nam (bán cầu Bắc), lúc này bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời, nên có ngày ngắn hơn đêm....	0,25đ

